TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘIHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:150/2022/DS-PT
Ngày 10/8/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: -Ông Đặng Văn Lộc
-Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2022/TLPT- DS, ngày 25 tháng 5 năm 2022,về " *tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST, ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 167 /2022/QĐ - PT, ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lý Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp Phước Y A, xã Phú Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Đỗ Thị G, sinh năm 1946. Địa chỉ: ấp Phước Y A, xã Phú Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: ấp Bình Tả M, xã Đức Hòa H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. (có đơn xin vắng mặt).

2.2 Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp C, xã Đại A, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

2.3. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1967. Địa chỉ: khóm B, phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2.4. Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp Bình Tả M, xã Đức Hòa H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1998. Địa chỉ: ấp Phước Y A, xã Phú Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người kháng cáo:* bà Đỗ Thị G, ông Nguyễn Thành P, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Minh T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/ 3/ 2020 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lý Thị H trình bày:

Vào ngày 20/10/2005 vợ chồng bà H có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành U (cha chồng của bà H) phần đất tọa lạc ấp Phước Y A, xã Phú Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, diện tích 33m^2, thuộc thửa 787, tờ bản đồ số 2, diện tích chung 214m^2, loại đất ở nông thôn, do ông Nguyễn Thành U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai bên có làm giấy bán đất do bà H viết tại nhà ông U và ông U ký tên vào ngày 27/9/2006, giá hỗ trợ 10 triệu đồng, đưa một lần cho ông U và một số vật liệu xây dựng, chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Nhưng vào khoảng tháng 10 năm 2005 bà H và ông M đã cất nhà ở trên đất cho đến nay. Năm 2014 ông Nguyễn Thành U chết, đến năm 2017 ông Nguyễn Văn M cũng chết. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Thành U gồm có: bà Đỗ Thị G (vợ ông U), các con ông U Nguyễn Văn M (chết) có con Nguyễn Minh T, Nguyễn Thành P, Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thị Minh T. Khi đưa tiền 10.000.000đ cho ông U có bà G chứng kiến, không có việc hỗ trợ sửa nhà 10 triệu thành tiền chuyển nhượng đất. Sau khi ông M chết nhiều lần bà H gặp bà G và những người thừa kế của ông U yêu cầu tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để bà H được đứng tên phần đất 33m^2 thuộc một phần thửa 787 ông U đang đứng tên, nhưng không ai đồng ý.

Lý do tờ giấy bán đất ghi sai diện tích là do lúc đầu làm giấy bán đất để làm sổ hộ khẩu gia đình, trong giấy ghi 33m^2, chương trình VLAP đo lại diện tích có chênh lệch nhưng bà H mua 10 triệu nên mới sửa lại diện tích đúng như đã mua lúc đầu là 33m^2. Trong tờ giấy ghi diện tích 47m^2 ông T địa chính xã Phú Q ghi nhận đúng là chữ ký của ông Nguyễn Thành U. Tại biên bản hòa giải ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã Phú Q, bà Đỗ Thị G trình bày: "Tôi đồng ý chuyển nhượng cho con tôi 47m^2, nhưng phải đợi 03 đứa con tôi nghỉ hè mới về được vì 03 đứa con tôi đều đi làm ăn xa. Nếu bà H yêu cầu chuyển nhượng sớm thì các con tôi không về được để ký tên". Sau đó bà G không ký tên vào biên bản mà bỏ về. Theo đơn khởi kiện ngày 27/ 3/ 2020, bà yêu cầu Tòa án công nhận được sử dụng phần đất có diện tích 33m^2, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2021, bà yêu cầu Tòa án công nhận được sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế là 48,5m^2, thuộc thửa số 787, tờ bản đồ số 2, diện tích 214m^2, loại đất ONT, tọa lạc ấp Phước Y A, xã Phú Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Bà thống nhất diện tích đo đạc là 48,5m^2 và kết quả định giá tài sản theo biên bản định giá ngày 11/11/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị G, bà Nguyễn Thị Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Khoảng năm 2006, ông Nguyễn Thành U có cho Nguyễn Văn M là con trai lớn làm nhà ở phần đất phía trước sân nhà. Khi ông M về thì ông U đang xây dựng nhà, ông M và bà H thấy nhà sau của ông U, bà G đang ở không lành lặn, mái nhà dột nên ngõ ý cho 10.000.000đ để sửa chữa lại nhà sau, thấy vợ chồng ông M có thiện chí nên ông U nhận chứ không có việc chuyển nhượng một phần đất thuộc thửa 787 cho bà H và ông M. Trong tờ sang bán đất hoàn toàn không có chữ ký của bà Gg mà chỉ có chữ ký của ông U. Chữ ký trong tờ bán đất ngày 27/9/2006 của ông U các bị đơn hoàn toàn không biết. Đối với diện tích trong hai tờ bán đất cũng khác nhau, một tờ ghi diện tích bán là 47m^2, một tờ lại ghi diện tích 33m^2. Khi còn sống ông U không ký tên vào tờ giấy nào có nội dung chuyển nhượng đất và các anh chị trong gia đình chưa bao giờ nghe ông U nói là có chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông M, bà H.

Khi ông U được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chương trình Vlap thì phát hiện có một phần đất tách riêng cho vợ chồng ông M nên ông U khiếu nại đến phòng tài nguyên và môi trường huyện Long Hồ, lúc chuẩn bị được giải quyết thì ông U chết. Ông U chỉ nói là cho vợ chồng ông M cất nhà ở tạm trên đất chứ không có việc chuyển nhượng giữa hai bên. Khi bà H, ông M về cất nhà để ở thấy nhà sau của ông U bị dột nên bà H, ông M nói hỗ trợ 10.000.000đ để sửa nhà. Nhưng không biết như thế nào mà thành tiền chuyển nhượng đất. Bà H, bà T thống nhất diện tích đo đạc thực tế là 48,5m^2 và kết quả định giá tài sản theo biên bản định giá ngày 11/11/2020, có yêu cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Thành U trong tờ bán đất ngày 27/9/200, nhưng không cung cấp được chữ ký của ông U lúc còn sống. Các bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng cho bà H phần đất 33m^2 thuộc thửa số 787, tờ bản đồ số 2, diện tích 214m^2 loại đất ở nông thôn, tọa lạc ấp Phước Y A, xã Phú Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành P không có bản tự khai cũng như không tham dự phiên hòa giải.

Tại tờ tự khai ngày 25/3/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T trình bày: bà H là mẹ ruột của anh, anh đồng ý việc khởi kiện của bà H, không có yếu cầu độc lập và xin vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST, ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 500, 502, 503 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, 100, 166, 167, 168, 188 và 203 của Luật đất đai năm 2013; Điểm b.3 mục 2.3 mục 2 phần II Nghị Quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; các Điều 12, Điều 14 và Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lý Thị H. Công nhận cho bà Lý Thị H được sử dụng phần đất có diện tích 48,5m^2 thuộc thửa số 787, tờ bản đồ số 2, diện tích 214m^2, loại đất ONT, tọa lạc ấp Phước Y A, xã Phú Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bao gồm các mốc: 3, 2, 1, 6, 5, 4, 3 (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 02/3/3021).

Buộc bà Lý Thị H phải có trách nhiệm bồi hoàn giá trị 15,5m^2 với số tiền là 3.565.000đ (Ba triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) cho các bị đơn bà Đỗ Thị G, Nguyễn Thành P, Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Thị Minh T.

Các đương sự phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/3/2022 các bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc nguyên đơn trả lại phần đất ngay phía trước cửa nhà của ông U. Nếu trả giá trị thì phải trả theo giá thị trường là 7.000.000đ/m^2.

Ngày 20/6/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm định giá lại phần đất chênh lệch diện tích 15,5m^2 thuộc thửa 787, tờ bản đồ số 2, diện tích chung 214m^2, loại đất ONT, tọa lạc ấp Phước Y A, xã Phú Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Thành U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 12/7/2022 Hội đồng định giá do Tòa án cấp phúc thẩm thành lập đã tiến hành định giá theo yêu cầu của bà H. Kết quả định giá 15,5m^2 đất tranh chấp thuộc thửa 787, đất ở nông thôn, có giá là 1.026.500đ/m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị Minh T đồng ý công nhận cho bà Lý Thị H được sử dụng diện tích 33m^2, phần chênh lệch 15,5m^2 yêu cầu nguyên đơn trả giá trị 2.000.000đ/m^2.

Bà Lý Thị H thống nhất ý kiến của các bị đơn,đồng ý trả giá trị 2.000.000đ/m^2 đối với phần diện tích chênh lệch 15,5m^2.

Anh Nguyễn Minh T đồng ý công nhận phần đất tranh chấp 48,5m^2 cho bà H là mẹ anh và bà H phải trả giá trị chênh lệch 15,5m^2 cho các bị đơn như đã thỏa thuận 2.000.000/m^2.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận: công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thành U và ông Nguyễn Văn M theo tờ bán đất cất nhà ngày 27/9/2006 có diện tích 33m^2, đối với diện tích chênh lệch 15,5m^2 bà H sẽ hoàn giá trị cho các bị đơn theo giá 2.000.000đ/m^2 = 31.000.000đ. Xét việc thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa án sơ thẩm. Về án phí sơ thẩm bà H phải chịu án phí 1.550.000đ. Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/3/2022 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, đến ngày 04/4/2022 các bị đơn có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, bà G được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, các bị đơn còn lại nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo của các bị đơn được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: công nhận cho bà Lý Thị H được sử dụng diện tích đất 48,5m^2, thuộc thửa số 787, tờ bản đồ số 2, diện tích 214m^2, loại đất ONT, tọa lạc ấp Phước Y A, xã Phú Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, trong đó có 33m^2 theo giấy mua bán đất cất nhà ở ngày 27/9/2006 giữa ông Nguyễn Thành U và ông Nguyễn Văn M, diện tích chênh lệch 15,5m^2 bà H hoàn trả giá trị 2.000.000đ/m^2 cho các bị đơn bằng 31.000.000đ. Xét việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa và sửa Bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: chi phí định giá là 1.900.000đ, tại phiên tòa bà H tự nguyện nộp và đã nộp xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lý Thị H phải chịu 5% tiền án phí trên số tiền phải trả cho các bị đơn: 31.000.000đ x 5% = 1.550.000đ.

[5]Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự;

1. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận tờ mua bán đất lập ngày 27/9/2006 giữa ông Nguyễn Thành U và ông Nguyễn Văn M.

Công nhận cho bà Lý Thị H được sử dụng phần đất có diện tích 48,5m^2, thuộc thửa số 787, tờ bản đồ số 2, diện tích 214m^2, loại đất ONT, tọa lạc ấp Phước Y A, xã Phú Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, bao gồm các mốc: 3, 2, 1, 6, 5, 4, 3 (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/3/2021 của phòng tài nguyên và môi trường huyện Long Hồ).

Bà Lý Thị H phải hoàn giá trị diện tích chênh lệch 15,5m^2 cho các bị đơn bà Đỗ Thị G, ông Nguyễn Thành P, bà Nguyễn Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị Minh T với số tiền 31.000.000đ (ba mươi mốt triệu đồng).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện nộp 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) và đã nộp xong

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lý Thị H phải chịu 1.550.000đ (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005701, ngày 27/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Bà H còn phải nộp 1.250.500đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng).

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Thị G (người cao tuổi)

Buộc ông Nguyễn Thành P, bà Nguyễn Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị Minh T liên đới nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ cùng ngày 04/4/2022 cho các đương sự như sau: Nguyễn Thành P 300.000đ theo

biên lai số 0003782,Nguyễn Thị Thanh H 300.000đ theo biên lai số 0003783 và Nguyễn Thị Minh T 300.000đ theo biên lai số 0003784.

5.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng buộc bà Đỗ Thị G, bà Nguyễn Thị Thanh H bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Thành P liên đới nộp 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Lý Thị H không có kháng cáo, kháng nghị hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6.Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- TAND huyện Long Hồ;
- CCTHADS huyện Long Hồ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình